

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05 -8 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Mạnh Hải

Ông Trịnh Tuấn Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thu Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sầm Thị L, sinh năm 1995; nơi đăng ký thường trú: Số A ngõ B đường P, khối C, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn); nơi ở hiện tại: Số C, đường L, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Quang T, sinh năm 1981; địa chỉ: số A ngõ B đường P, khối C, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Sầm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Quang T kết hôn tự nguyện và

đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 07/3/2017 - số 09/2017 (nay là xã C, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa chỉ số A ngõ B đường P, khối C, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn), là nhà của mẹ đẻ ông Hoàng Quang T. Cuộc sống hôn nhân ban đầu diễn ra bình thường. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nhất là không thống nhất trong cách làm ăn, ông Hoàng Quang T làm ăn bị thua lỗ, bà có góp ý cách làm tốt hơn nhưng không nghe; nhiều lần vợ chồng cãi nhau, ông Hoàng Quang T có lời nói xúc phạm không tôn trọng bà, đuổi bà ra khỏi nhà. Sự việc cãi nhau giữa vợ chồng bà không mời chính quyền địa phương, tổ chức nào đến hòa giải, nên không có lập biên bản. Từ khoảng tháng 11/2024 sau mấy hôm ông Hoàng Quang T đuổi bà ra khỏi nhà, bà đã đưa con trai Hoàng Quang M dọn ra khỏi nhà mẹ đẻ ông Hoàng Quang T và không còn chung sống chung, đã ly thân ông Hoàng Quang T từ đó đến nay. Nhưng vào dịp lễ, tết, có giỗ bà vẫn sắm lễ và đưa con về nhà thăm bà nội. Hiện nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Hoàng Quang T

Về con chung: Bà và ông Hoàng Quang T có 01 con chung là cháu Hoàng Quang M, sinh ngày 27/4/2018. Khi ly hôn bà yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi; không yêu cầu ông Hoàng Quang T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bà đang thuê ở trọ tại địa chỉ số C L, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn và làm việc tại quán cà phê mở tại địa chỉ số B L, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn, thu nhập ổn định hàng tháng từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Do bà mở quán cùng chị gái ruột tên là Sầm Thị T1 nên có không làm hợp đồng lao động.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bị đơn ông Hoàng Quang T xác nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn như bà Sầm Thị L trình bày. Cuộc sống hôn nhân diễn ra bình thường. Đến thời điểm từ tháng 3/2024 ông sửa nhà của mẹ đẻ đồng thời là nơi ở của gia đình, mẹ ông có vay tiền ngân hàng để sửa nhà, nên ông phải giúp mẹ trả tiền gốc, lãi hàng tháng, tương đối cao; thời điểm sửa nhà phải thuê chỗ ở, công việc thì ít khách, nên cuộc sống còn nhiều khó khăn. Ông có bảo bà Sầm thị L hỗ trợ gia đình, nhưng chị L không giúp mà còn có thái độ khó chịu. Bà Sầm Thị L thường đi làm từ 6 giờ sáng đến 11-12 giờ đêm mới về. Bà Sầm Thị L còn đòi hỏi, có thái độ khó chịu với gia đình. Do ông sửa nhà bận rộn, nhưng bà Sầm Thị L không quan tâm chú ý tới gia đình, với chồng mình. Vào ngày 29/11/2024, do nhiều áp lực nên khi nói chuyện với bà Sầm Thị L về việc ứng xử với gia đình, bà Sầm Thị L có tranh cãi lại, ông nóng nảy có nói câu đuổi bà

Sầm Thị L ra khỏi nhà. Đến hôm sau ông thấy mình đã nói lỡ lời, nói sai, nên đã xin lỗi bà Sầm Thị L. Tuy nhiên, bà Sầm Thị L không bỏ qua, khoảng 4-5 ngày sau bà Sầm Thị L thu dọn quần áo hai mẹ con và đi ra ngoài ở trọ đến nay. Sau đó ông đã nhiều lần đến nơi làm việc của bà Sầm Thị L nói chuyện nhưng do thái độ của bà Sầm Thị L hay mắng con trước mặt ông, nên ông không muốn nói chuyện tiếp. Nay bà Sầm Thị L khởi kiện xin ly hôn, ông thấy vẫn còn nhiều tình cảm, vẫn thương yêu vợ, tại phiên tòa ông xin lỗi bà Sầm Thị L và mong muốn đoàn tụ gia đình, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà Sầm Thị L có 01 con chung là cháu Hoàng Quang M, sinh ngày 27/4/2018. Tại đơn khởi kiện, bà Sầm Thị L yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi; không yêu cầu ông phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung ông không có ý kiến. Ông mong muốn đoàn tụ gia đình để vợ chồng cùng nuôi dạy con, nhưng trường hợp không hòa giải đoàn tụ được mà giải quyết ly hôn, ông cũng yêu cầu được là người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Bố mẹ đẻ của bà Sầm Thị L có nhờ mẹ ông vay giúp Ngân hàng 100.000.000 đồng. Nhưng ông xác định đây là khoản nợ của ông bà ngoại, không phải nợ chung vợ chồng. Tòa án đã lấy lời khai đối với mẹ ông bà Vi Thị L1 và mẹ ông không có yêu cầu giải quyết khoản nợ, nên ông xác định là không có nợ chung.

Theo bản tự khai, cháu Hoàng Quang M trình bày: Bố mẹ cháu không còn ở với nhau, cháu có nguyện vọng ở cùng với mẹ, hàng ngày mẹ đưa đón cháu đi học.

Tại phiên tòa bà Vi Thị L1 trình bày: Về tình cảm giữa ông Hoàng Quang T và bà Sầm Thị L bà đã hòa giải, khuyên can nhưng không thành, nên bà để các con tự quyết định. Về khoản nợ 100.000.000 đồng, tại Biên bản lấy lời khai đương sự bà khai là năm 2022 ông Hoàng Quang T và bà Sầm Thị L nhờ bà vay hộ Ngân hàng để mua đôi thông của bố mẹ bà Sầm Thị L, hàng tháng bà và ông Hoàng Quang T đứng ra trả nợ Ngân hàng, số tiền còn nợ đến nay còn khoảng 37.920.000 đồng, nên bà không kiện đòi tiền. Tuy nhiên, thực tế số tiền này là bố mẹ đẻ của chị Sầm Thị L vay, đến nay vẫn chưa trả lại tiền cho bà, nhưng bà sẽ xem xét việc khởi kiện đòi tài sản sau.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý, giải quyết vụ án; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp; thực hiện thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đầy đủ, đúng quy định; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời

hạn. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thành phần, trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án từ khi khai mạc phiên tòa đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và chấp hành đúng nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Đề xuất giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thị L, cho bà Sầm Thị L được ly hôn với ông Hoàng Quang T; về con chung: Bà Sầm Thị L và ông Hoàng Quang T có 01 con chung là cháu Hoàng Quang M, sinh ngày 27/4/2018; đề nghị giao cháu Hoàng Quang M cho bà Sầm Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi; ông Hoàng Quang T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do bà Sầm Thị L không yêu cầu.

Tài sản chung, nợ chung: Các đương xác định không có, nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc bà Sầm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Nội dung yêu cầu, kiến nghị, khắc phục vi phạm không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Sầm Thị L sinh sống tại phường V, thành phố L (nay là phường Đ) ,tỉnh Lạng Sơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn) giải quyết ly hôn, con chung khi ly hôn với ông Hoàng Quang T cư trú tại phường Đ, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Sầm Thị L và ông Hoàng Quang T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C (nay là xã C), tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày ngày

07/3/2017 (số 09/2017), do đó hôn nhân giữa bà Sầm Thị L và ông Hoàng Quang T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn: Qua lời khai của bà Sầm Thị L và ông Hoàng Quang T xác định, sau khi kết hôn, chung sống đến năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc bà Sầm Thị L xin ly hôn là không thống nhất cách làm ăn dẫn đến vợ chồng cãi nhau và việc cư xử giữa vợ chồng chưa thực sự hiểu nhau, quan tâm nhau, có lời nói đối với nhau chưa đúng mực. Xuất phát từ câu nói của ông Hoàng Quang T đuổi bà Sầm Thị L ra khỏi nhà, từ tháng 11/2024 đến nay bà Sầm Thị L dọn ra khỏi nhà mẹ ông Hoàng Quang T đưa con trai Hoàng Quang M đi thuê trọ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Bà Sầm Thị L và ông Hoàng Quang T đều trình bày sau sự việc xảy ra ông Hoàng Quang T có lời nói đuổi bà Sầm Thị L ra khỏi nhà, ông Hoàng Quang T đã xin lỗi và tại phiên tòa cũng xin lỗi, nhưng bà Sầm Thị L không chấp nhận. Tại phiên tòa, qua trình bày của đương sự thấy hai bên vẫn không hiểu và thông cảm cho nhau, vẫn đổ lỗi nhau về cách ứng xử vợ chồng và trong gia đình, nhất là trong việc đóng góp kinh tế, đi làm, chăm sóc gia đình. Ông Hoàng Quang T không thể hiện thái độ tích cực hàn gắn tình cảm vợ chồng; chị Sầm Thị L trình bày đã hết tình cảm, nên đề nghị giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Sầm Thị L, ông Hoàng Quang T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được tình cảm. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu của bà Sầm Thị L, cho bà Sầm Thị L ly hôn ông Hoàng Quang T.

[4] Về con chung: Bà Sầm Thị L và ông Hoàng Quang T có 01 con chung là cháu Hoàng Quang M, sinh ngày 27/4/2018. Xét về điều kiện nuôi con thấy, bà Sầm Thị L hiện nay đang ở trọ, nghề nghiệp là lao động tự do có thu nhập khoảng 12.000.000 đồng - 15.000.000 đồng/tháng; ông Hoàng Quang T hiện sống cùng nhà mẹ đẻ, nghề nghiệp là lao động tự do có thu nhập khoảng 12.000.000đồng - 15.000.000đồng/tháng. Như vậy, hai đương sự đều có đủ điều kiện nuôi con. Nhưng hiện nay cháu Hoàng Quang M đang sống cùng bà Sầm Thị L và có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo việc ăn ở, sinh hoạt, học tập và tâm lý phát triển ổn định của cháu, Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng Quang M cho bà Sầm Thị L là người được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Hoàng Quang T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày không có nợ chung; không có yêu cầu độc lập, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Sầm Thị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Sầm Thị L ly hôn với ông Hoàng Quang T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2017, ngày 07/3/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C (nay là xã C), tỉnh Lạng Sơn.

2. Về con chung: Giao cho bà Sầm Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Quang M sinh ngày 27/4/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Hoàng Quang T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ông Hoàng Quang T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Về nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Bà Sầm Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Số tiền án phí nêu trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Sầm Thị L đã nộp theo biên lai tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000608 ký hiệu BLTU/23 ngày 17/3 /2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Ninh